

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 66 /2017/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 15 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đến trường, trở về nhà trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

UBND THÀNH PHỐ PR-TC	
ĐẾN	Số: TD5453
	Ngày: 18/8/2017
	Chuyển: Ủy Đào
	Liên hồ sơ số:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ ban hành Quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn;

Thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020;

Thực hiện Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, Khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020.

Căn cứ Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đến trường, trở về nhà trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1494/TTr-SGDĐT ngày 07 tháng 8 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đến trường, trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Học sinh các trường trung học phổ thông, trung học cơ sở và tiểu học ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.
2. Học sinh các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung học ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đến trường, trở về nhà trong ngày

1. Khoảng cách tối thiểu tại địa bàn vùng đặc biệt khó khăn mà học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày:

- Học sinh tiểu học: Nhà ở xa trường từ 4 km trở lên;
- Học sinh trung học cơ sở: Nhà ở xa trường từ 7 km trở lên;
- Học sinh trung học phổ thông: Nhà ở xa trường từ 10 km trở lên.

2. Quy định các xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn có khoảng cách từ nhà đến trường thấp hơn quy định tại Khoản 1 điều này nhưng có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn: Phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá; không thể đến trường và trở về nhà trong ngày trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (Đính kèm Phụ lục I và Phụ lục II).

Điều 4. Tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh các trường phổ thông dân tộc bán trú và trường phổ thông ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn

1. Các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có tổ chức nấu ăn tập trung cho học sinh là đối tượng chính sách theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP thì được hỗ trợ kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh theo định mức khoán kinh phí bằng 1,35 lần (135%) mức lương cơ sở/01 tháng/30 học sinh, số dư từ 15 học sinh trở lên được tính thêm một lần định mức, nhưng mỗi trường chỉ được hưởng không quá 05 lần định mức nêu trên/tháng và không quá 9 tháng/01 năm.

2. Danh sách các xã khu vực III, khu vực II, thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc miền núi và các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận làm cơ sở xét duyệt đối tượng và trường phổ thông được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016

của Chính phủ trên địa bàn tỉnh (Đính kèm Phụ lục III).

Điều 5. Các nội dung khác liên quan chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở các xã, thôn đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2017; thay thế các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 15/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2012 về Quy định tiêu chí xét duyệt học sinh bán trú trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, số 65/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2014 về việc sửa đổi, bổ sung Danh mục các thôn đủ điều kiện để xét duyệt học sinh bán trú ban hành kèm theo Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2012 về việc Quy định các tiêu chí xét duyệt học sinh bán trú trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và số 82/2013/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2013 về việc Quy định khoảng cách và địa bàn học sinh Trung học phổ thông không thể đến trường và trở về nhà trong ngày do địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn trên địa bàn Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 9 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội;
- Ủy ban Dân tộc;
- Vụ pháp chế (Bộ Giáo dục và Đào tạo);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Ninh Thuận;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: PVP (HXN), NC-TH;
- Lưu: VT, KGVX. NAM.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
PHAN RANG - THÁP CHÀM**

Số: 449 /SY

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy;
- Ban Tuyên giáo Thành ủy;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- UBNDTTQVN thành phố;
- Các phòng, ban thành phố;
- Hội Đoàn thể thành phố;
- UBND 16 phường, xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Bình

SAO Y

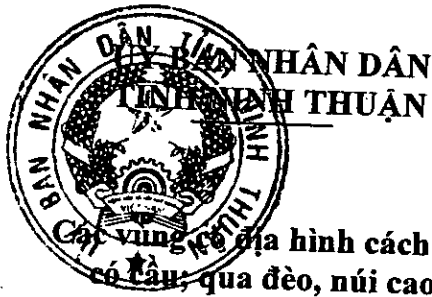
Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 21 tháng 8 năm 2017

TL. CHỦ TỊCH

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Hồ Như Vương



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I

Địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, phải qua sông, suối không có cầu, qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở, đất, đá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (đối với học sinh cấp Tiểu học và Trung học cơ sở)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 66 /2017/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Huyện	Xã	Tên trường, địa điểm	Địa bàn thường trú của học sinh (thôn, làng)	Điều kiện về cự ly, địa hình, giao thông
Bác Ái	Phước Trung	THCS Nguyễn Văn Trỗi (Địa điểm: Thôn Đá Trên)	Đồng Dày, Tham Dú	Nhà học sinh ở cách trường từ 6 km trở lên, ngăn cách suối vào mùa mưa.
	Phước Tân	THCS Nguyễn Văn Linh (Địa điểm: Thôn Ma Ty)	Ma Lâm, Ma Ty, Đá Trắng.	Nhà học sinh ở cách trường từ 6 km trở lên, có suối ngăn cách khi vào mùa mưa.
	Phước Bình	THCS Đinh Bộ Lĩnh (Địa điểm: Thôn Gia É)	Bạc Rây 1, Bạc Rây 2, Hành Rạc 1, Hành Rạc 2, Gia É, Bồ Lang.	Nhà học sinh ở cách trường trên từ 5 km trở lên. Đường đi từ nhà đến trường qua chân núi đá, dễ bị sạt lở vào mùa mưa.
		Tiểu học Phước Bình B (Địa điểm: Thôn Hành Rạc 1)	Hành Rạc 1	Nhà học sinh ở cách trường từ 3 km trở lên. Đường đi từ nhà đến trường qua chân núi đá, dễ bị sạt lở vào mùa mưa; qua suối ngập lụt vào mùa mưa.
		Tiểu học Phước Bình A (Địa điểm: Thôn Gia É)	Gia É, Bạc Rây 2	Nhà học sinh ở cách trường từ 2 km trở lên, địa bàn cách trở, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, không thể đi học về trong ngày.
	Phước Thành	THCS Nguyễn Huệ (Địa điểm: Thôn Ma Dú)	Ma Rớ, Đá Ba Cái, Suối Lờ	Nhà học sinh ở cách trường từ 4 km trở lên, đường đồi dốc, qua vùng sạt lở, đi lại khó khăn vào mùa mưa.
	Phước Tiến	Tiểu học Phước Tiến A (Địa điểm: Thôn Trà Co 2)	Đá Bàn, Suối Đá, Trà Co 1	Nhà học sinh ở cách trường từ 3 km trở lên. Đi lại khó khăn về mùa mưa.
		Tiểu học Phước Tiến B (Địa điểm: Thôn Suối Rua)	Suối Rua.	Nhà học sinh ở cách trường từ 3 km trở lên. Suối ngăn cách khi vào mùa mưa.
		THCS Ngô Quyền (Địa điểm: Thôn Trà Co 2)	Suối Rua, Suối Đá, Đá Bàn, Trà Co 1, Trà Co 2.	Nhà học sinh ở cách trường từ 5 km trở lên, đường đồi dốc, đi lại khó khăn về mùa mưa.

Huyện	Xã	Tên trường, địa điểm	Địa bàn thường trú của học sinh (thôn, làng)	Điều kiện về cự ly, địa hình, giao thông
	Phước Đại	THCS Trần Phú (Địa điểm: Thôn Tà Lú 1)	Tà Lú 2, Tà Lú 3, Châu Đắc	Nhà học sinh ở cách trường từ 5 km trở lên; Suối ngăn cách khi vào mùa mưa.
	Phước Thắng	THCS Lê Lợi (Địa điểm: Thôn Ma Ty)	Chà Dung, Ha Lá Hạ, Ma Oai.	Nhà học sinh ở cách trường từ 5 km lên. Suối ngăn cách khi vào mùa mưa.
Ninh Sơn	Ma Nới	Tiểu học Tà Nôi (Địa điểm: Thôn Tà Nôi)	Tà Nôi	Nhà học sinh đến trường từ 2 km trở lên, giáp ranh huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, giao thông khó khăn, đường đi từ nhà đến trường cách trở, có nhiều sông suối ngăn cách, đi lại khó khăn vào mùa mưa, lũ.
		Tiểu học Ma Nới (Địa điểm: Thôn Ú)	Hà Dài	Nhà học sinh đến trường từ 2 km trở lên, đường đi từ nhà đến trường cách trở bởi sông, phải đi vòng lại khó khăn, cầu thường bị lũ quét vào mùa mưa.
			Thôn Do	Nhà học sinh đến trường từ 2 km trở lên, đường đi từ nhà đến trường cách trở có nhiều dốc, đi lại khó khăn.
			Gia Hoa	Nhà học sinh đến trường từ 2 km trở lên, giáp ranh huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, giao thông khó khăn, đường đi từ nhà đến trường cách trở có nhiều sông suối ngăn cách, đi lại khó khăn vào mùa mưa lũ.
	PTDTBT THCS Phan Đình Phùng (Địa điểm: Thôn Ú)	Tà Lâm, Gia Rót	Nhà học sinh đến trường từ 4 km trở lên, đường đi từ nhà đến trường cách trở, có nhiều đồi dốc nguy hiểm.	
		Hà Dài	Nhà học sinh đến trường từ 4 km trở lên, đường đi từ nhà đến trường cách trở bởi sông, học sinh phải đi vòng, sông có cầu thường bị lũ cuốn.	
		Thôn Do	Nhà học sinh đến trường từ 4 km trở lên, đường đi từ nhà đến trường cách trở, có nhiều đồi dốc nguy hiểm.	
	Hoà Sơn	THCS Hoàng Hoa Thám (Địa điểm: Thôn Tân Lập)	Tân Định	Nhà học sinh đến trường từ 2 km trở lên, đường đi từ nhà (ở rẫy) đến trường cách trở, có suối khó đi vào mùa mưa.
			Tân Tiến	Nhà học sinh đến trường khoảng từ 2 km trở lên, đường đi từ nhà đến trường cách trở bởi sông, phải đi vòng lại khó khăn, cầu thường bị lũ quét vào mùa mưa.

Huyện	Xã	Tên trường, địa điểm	Địa bàn thường trú của học sinh (thôn, làng)	Điều kiện về cự ly, địa hình, giao thông
Ninh Sơn			Tân Hiệp	Nhà học sinh đến trường từ 2 km trở lên, đường đi từ nhà đến trường cách trở bởi sông, phải đi vòng lại khó khăn, cầu thường bị lũ quét vào mùa mưa.
	Lâm Sơn	Tiểu học Lâm Sơn B (Địa điểm: Thôn Gòn 1)	Thôn Gòn 2	Nhà học sinh (ở rẫy) đến trường từ 2 km trở lên, đường đi từ nhà đến trường cách trở, có nhiều sông, suối ngăn cách, có nhiều dốc, đi lại khó khăn.
		THCS Lê Lợi (Địa điểm: Thôn Lâm Quý)	Thôn Gòn 2	Nhà học sinh (ở rẫy) đến trường từ 3 km trở lên, đường đi từ nhà đến trường cách trở, có nhiều sông, suối ngăn cách, có nhiều dốc, đi lại khó khăn.
	Quảng Sơn	Tiểu học Quảng Sơn B (Địa điểm: Thôn Triệu Phong 1)	Lương Giang	Nhà học sinh (ở rẫy) đến trường từ 3 km trở lên, đường đi từ nhà đến trường cách trở có sông, suối ngăn cách, giao thông đi lại khó khăn.
Thuận Nam	Phước Hà	Tiểu học Trà Nô (Địa điểm: Thôn Trà Nô)	Trà Nô	Nhà học sinh cách trường từ 2 km trở lên, đường đi từ nhà học sinh đến trường qua chân núi đá, đèo dốc dễ bị sạt lở vào mùa mưa
		Tiểu học Giá (Địa điểm: Thôn Giá)	Là A, Rô Ôn, Giá, Tân Hà.	Nhà học sinh cách trường từ 2 km trở lên, đường đi từ nhà đến trường cách trở sông dài, suối sâu, đường lầy lội và sạt lở vào mùa mưa.
		PTDTBT THCS Phước Hà (Địa điểm: Thôn Giá)	Là A, Rô Ôn, Trà Nô, Giá, Tân Hà	Học sinh thường theo gia đình lên núi, đi rẫy; đường đi từ nhà học sinh tới trường qua vùng sạt lở đất, đá vào mùa mưa; qua sông dài, suối sâu, đèo dốc trên 4 km.
	Phước Dinh	Tiểu học Sơn Hải (Địa điểm: Thôn Sơn Hải 1)	Sơn Hải 1, Sơn Hải 2	Nhà học sinh (ở rẫy) đến trường từ 3 km trở lên, đường đi khó khăn, phải qua nhiều động cát dễ sạt lở.
		Tiểu học Từ Thiện (Địa điểm: Thôn Từ Thiện)	Từ Thiện, Vĩnh Tường, Bầu Ngừ	Nhà học sinh cách trường từ 3 km trở lên, đường đi khó khăn, lầy lội vào mùa mưa, dễ sạt lở.
		THCS Nguyễn Tiệm (Địa điểm: Thôn Sơn Hải 1)	Sơn Hải 1, Sơn Hải 2 Từ Thiện, Vĩnh Tường, Bầu Ngừ	Nhà học sinh (ở rẫy) đến trường từ 4 km trở lên, đường đi khó khăn, phải qua nhiều động cát, lầy lội vào mùa mưa, dễ sạt lở.
	Thuận Bắc	Phước Kháng	THCS Phước Kháng (Địa điểm: Thôn Đá Liệt)	Suối Le

Huyện	Xã	Tên trường, địa điểm	Địa bàn thường trú của học sinh (thôn, làng)	Điều kiện về cự ly, địa hình, giao thông
	Phước Chiến	THCS Phước Chiến (Địa điểm: Thôn Đầu Suối B)	Tập Lá	Nhà học sinh cách trường từ 5 km, học sinh đến trường phải qua suối sâu không có cầu; nguy hiểm khi có mưa lũ.
			Ma Trai	Nhà học sinh cách trường từ 4 km, học sinh đến trường phải qua vùng núi có nguy cơ sạt lở; nguy hiểm khi có mùa mưa, lũ.
Ninh Hải	Vĩnh Hải	Tiểu học Thái An (Địa điểm: Thôn Thái An)	Đá Hang	Nhà học sinh cách trường từ 3 km trở lên, đường đèo dốc, đi lại khó khăn.
		Tiểu học Vĩnh Hy (Địa điểm: Thôn Vĩnh Hy)	Cầu Gãy	Nhà học sinh cách trường từ 3 km trở lên, đường đèo dốc, đi lại khó khăn.
		THCS Nguyễn Văn Linh (Địa điểm: Thôn Vĩnh Hy)	Cầu Gãy	Nhà học sinh cách trường từ 3 km trở lên, đường đèo dốc, đi lại khó khăn.
		THCS Ngô Quyền (Địa điểm: Thôn Thái An)	Đá Hang	Nhà học sinh cách trường từ 3 km trở lên, đường đèo dốc, đi lại khó khăn.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II

Các vùng có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở, đất, đá trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận (đối với học sinh cấp Trung học phổ thông)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 66 /2017/QĐ-UBND ngày 15 /8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Huyện	Xã	Tên trường	Địa bàn thường trú của học sinh (thôn, làng)	Điều kiện về cự ly, địa hình, giao thông
Bác Ái	Phước Đại	THPT Bác Ái (Địa điểm: Thôn Tà Lú 1- xã Phước Đại)	Tà Lú 3	Học sinh phải đi qua đập tràn khi đến trường khoảng cách 5 km trở lên.
	Phước Chính		Suối Rớ, Suối khô, Núi Rây	Học sinh phải đi qua đập tràn khi đến trường khoảng cách 5 km trở lên.
Thuận Nam	Phước Hà	THPT Nguyễn Văn Linh (Địa điểm: Thôn Quán Thẻ 2- Xã Phước Minh)	Trà Nô, Giá, Là A, Rồ Ôn, Tân Hà	Học sinh phải đi qua vùng sạt lở đất, đá về mùa mưa lũ khi đến trường, khoảng cách 4 km trở lên.



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC III

Đanh sách xã khu vực III, khu vực II và thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (Ban hành kèm theo Quyết định số 66 /2017/QĐ-UBND ngày 15 /8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Tên huyện	Tên xã	Khu vực	Tên thôn đặc biệt khó khăn	Ghi chú		
I. BẮC ÁI	09 xã	III	31 thôn			
			1. Xã Phước Bình			
				1	Thôn Bạc Rây 1	
				2	Thôn Gia É	
				3	Thôn Bó Lang	
				4	Thôn Hành Rạc 2	
			2. Xã Phước Hòa			
				1	Thôn Tà Lọt	
				2	Thôn Chà Panh	
			3. Xã Phước Thành			
				1	Thôn Ma Nai	
				2	Thôn Ma Dú	
				3	Thôn Ma Ró	
				4	Thôn Suối Lỡ	
				5	Thôn Đá Ba Cái	
			4. Xã Phước Đại			
				1	Thôn Tà Lú 2	
				2	Thôn Tà Lú 3	
				3	Thôn Ma Hoa	
				4	Thôn Châu Đắc	
			5. Xã Phước Tiến			
				1	Thôn Trà Co 1	
				2	Thôn Đá Bàn	
				3	Thôn Suối Đá	
				4	Thôn Suối Rua	
			6. Xã Phước Thắng			
				1	Thôn Ma Ty	
				2	Thôn Ma Oai	
				3	Thôn Hà Lá Hạ	

Tên huyện	Tên xã	Khu vực	Tên thôn đặc biệt khó khăn		Ghi chú
			4	Thôn Chà Đung	
	7. Xã Phước Trung	III			
			1	Thôn Rã Giữa	
			2	Thôn Tham Dú	
	8. Xã Phước Chính	III			
			1	Thôn Suối Khô	
			2	Thôn Suối Rờ	
			3	Thôn Núi Rây	
	9. Xã Phước Tân	III			
			1	Thôn Đá Trắng	
			2	Thôn Ma Lâm	
			3	Thôn Ma Ty	
II. NINH HẢI	02 xã			02 thôn	
	1. Xã Vĩnh Hải	II			
			1	Thôn Cầu Gậy	
			2	Thôn Đá Hang	
	2. Xã Xuân Hải	II			
III. NINH PHƯỚC	09 xã			03 thôn	
	1. Xã Phước Thái	II	1	Thôn Tà Dương	
	2. Xã Phước Vinh	II	2	Thôn Liên Sơn 2	
	3. Xã Phước Thuận	II			
	4. Xã An Hải	II; BN			Bãi ngang
	5. Xã Phước Hậu	II			
	6. Xã Phước Hữu	II			
	7. Thị trấn Phước Dân	II	1	Khu phố 6	
	8. Xã Phước Hải	BN			Bãi ngang
	9. Xã Phước Sơn	II			
IV. THUẬN BẮC	05 xã			18 thôn	
	1. Xã Lợi Hải	II			
			1	Thôn Ân Đạt	
			2	Thôn Kiên Kiên 2	
	2. Xã Công Hải	II			
			1	Thôn Xóm Đền	
			2	Thôn Cà Rôm	
			3	Thôn Suối Vang	
			4	Thôn Ba Hồ	
	3. Xã Phước Chiến	III			

Tên huyện	Tên xã	Khu vực	Tên thôn đặc biệt khó khăn		Ghi chú
			1	Thôn Động Thông	
			2	Thôn Tập Lá	
			3	Thôn Đầu Suối A	
			4	Thôn Đầu Suối B	
			5	Thôn Ma Trai	
	4. Xã Phước Kháng	III			
			1	Thôn Suối Le	
			2	Thôn Đá Mài Dưới	
			3	Thôn Cầu Đá	
			4	Thôn Đá Liệt	
			5	Thôn Đá Mài Trên	
	5. Xã Bắc Sơn	II			
			1	Thôn Xóm Bằng	
			2	Thôn Xóm Bằng 2	
V. NINH SƠN	07 xã			18 thôn	
	1. Xã Lâm Sơn	II	1	Thôn Gòn 2	
	2. Xã Lương Sơn	II	2	Thôn Trà Giang 2	
	3. Xã Quảng Sơn	II	3	Thôn Lương Giang	
	4. Xã Hòa Sơn	III			
			1	Thôn Tân Định	
			2	Thôn Tân Hiệp	
			3	Thôn Tân Hòa	
			4	Thôn Tân Lập	
			5	Thôn Tân Tiến	
			6	Thôn Tân Bình	
	5. Xã Ma Nới	III			
			1	Thôn Do	
			2	Thôn Gia Hoa	
			3	Thôn Gia Rót	
			4	Thôn Tà Nôi	
			5	Thôn Ú	
			6	Thôn Hà Dài	
	6. Xã Mỹ Sơn	II			
			1	Thôn Mỹ Hiệp	
			2	Thôn Nha Húi	
	7. Xã Nhơn Sơn	II	1	Thôn Láng Ngựa	
VI. THUẬN NAM	06 xã			05 thôn	
	1. Xã Phước Hà	III			
			1	Thôn Rò Ôn	

Tên huyện	Tên xã	Khu vực	Tên thôn đặc biệt khó khăn		Ghi chú
			2	Thôn Giá	
			3	Thôn Tân Hà	
			4	Thôn Trà Nô	
			5	Thôn Là A	
	2. Xã Nhị Hà	II			
	3. Xã Phước Ninh	II			
	4. Xã Phước Nam	II			
	5. Xã Phước Minh	II			
	6. Xã Phước Dinh	BN			Bãi ngang

Ghi chú: Khi các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước có quyết định thay đổi hoặc điều chỉnh về các xã khu vực III, khu vực II và thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, thì Danh sách này sẽ được điều chỉnh cho phù hợp.